

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST

Ngày: 02/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường - Ông Hà Hữu Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2021/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2021; theo QĐXX số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Văn T; sinh ngày 05/7/1992. Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Xây Dựng, thị trấn D, huyện D, tỉnh Q. Nơi cư trú: Xóm 02, xã Đ, thành phố T, tỉnh Q. Quốc tịch, Việt Nam. Dân tộc; Tày. Tôn giáo, Không; Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ tên bố Hoàng Văn Kh; sinh năm 1971. Họ tên mẹ; Hoàng Thị Th, sinh năm 1974. Vợ: Phùng Lan H, sinh năm 1995. Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án; Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 16/11/2011 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, xử phạt Hoàng Văn Tuấn 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội Gây rối trật tự công cộng thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm tại Bản án số 115/2011/HSST ngày 16/11/2011 (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án)

* Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm 2, xã Đ, thành phố T, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 28/8/2020, Hoàng Văn T, đăng ký HKTT tại tổ dân phố Xây Dựng, thị trấn D, huyện D, tỉnh Q, lúc đó thuê trọ tại xóm 02, xã Tràng Đà, thành phố T, một mình đi đến nhà bà Nguyễn Thị Ph (trú cùng xóm trọ), mục đích hỏi số điện thoại của con trai của bà Ph để nhờ mua hải sản.

Đến nơi, T thấy không có người ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà Phương. T vào nhà, đi qua phòng khách vào phòng ngủ của bà Ph, đến tủ gỗ mở cánh cửa không khóa phía bên phải của tủ thấy có 01 chiếc túi xách màu đen, T mở ra thấy trong có tiền và giấy tờ, T trộm cắp được 2.000.000 đồng và 01 thẻ rút tiền (ATM) của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Tuyên Quang mang tên NGUYEN THI PHUONG kèm theo 01 tờ giấy ghi mã PIN rút tiền của thẻ (do Ngân hàng cung cấp) rồi cất giấu vào trong người đi về nhà trọ.

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 31/8/2020, sau khi T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 22B1-039.42 mượn của bố vợ là ông Phùng Quang Tính, trú tại xóm 02, xã Tràng Đà đưa vợ là Phùng Lan H đi làm thì T đến máy rút tiền tự động (ATM) của Ngân hàng BIDV tại khu vực gần Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang, thuộc phường Y La để rút tiền. Tại đây, T sử dụng thẻ ATM, số tài khoản 34110001212034, số dư 62.148.011 đồng và mã PIN ghi trong tờ giấy trộm cắp của bà Phương thực hiện 09 lần rút tiền, mỗi lần 5.000.000 đồng được 45.000.000 đồng, trước và sau mỗi lần rút tiền, màn hình máy ATM đều báo số dư tài khoản. Tại lần rút tiền thứ 01, 02 và 07 T in sao kê hóa đơn nhưng Tuấn chỉ đọc hóa đơn lần thứ 07 nên Tuấn biết số dư trong tài khoản. Sau 09 lần rút tiền, T tiếp tục đưa thẻ vào máy ATM để rút tiền nhưng thẻ bị đẩy ra, lý do bà Phương nhận được tin nhắn báo trừ tiền về điện thoại di động đã báo Ngân hàng BIDV khóa thẻ khiến T không rút được tiền.

Số tiền T chiếm đoạt được của bà Ph trong tài khoản ngân hàng ngày 31/8/2020 là 45.011.550 đồng/62.148.011 đồng (gồm 45.000.000 đồng rút từ tài khoản, 9.900 đồng phí rút tiền, 1.650 đồng phí in sao kê hóa đơn) và 2.000.000 đồng trộm cắp trước đó, tổng số tiền T chiếm đoạt là 47.011.550 đồng/64.148.011 đồng, riêng số tiền 17.136.461 đồng còn trong tài khoản T chưa chiếm đoạt được là do bà Ph phát hiện, đề nghị ngân hàng khóa thẻ.

Sau khi rút tiền, T đi xe mô tô qua cầu Tân Hà vớt thẻ ATM và tờ giấy ghi mã PIN xuống sông rồi đi về phòng trọ thuộc xóm 02, xã Tràng Đà, sau đó về thị trấn D, huyện D. Toàn bộ số tiền 47.000.000 đồng trộm cắp được, T chi tiêu cá nhân hết.

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 09/QĐ-KSĐT ngày 07 tháng 01 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa. Xét thấy bị cáo Hoàng Văn T trộm cắp số tiền 2.000.000đ và 01 thẻ ATM cùng tờ giấy ghi mã PIN rút tiền cùng một thời điểm nên căn cứ Điều 319 Bộ luật tố tụng hình sự, Kiểm sát viên rút nội dung áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội*

02 lần trở lên” đối với bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/10/2020.

Về xử lý vật chứng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm chiếc thẻ ATM và tờ giấy ghi mã PIN do Hoàng Văn T trộm cắp của bà Nguyễn Thị Ph nhưng không thu giữ được đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu bồi thường đối với chiếc thẻ ATM và tờ giấy ghi mã PIN nên không xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà Ph số tiền 47.011.550 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn T, tại phiên tòa tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới; bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh qua

biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 28/8/2020 và ngày 31/8/2020, tại địa bàn thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Hoàng Văn T, trú tại tổ dân phố D, thị trấn D, huyện D đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Ph, trú tại xóm 02, xã Tràng Đ, thành phố T, tổng số tiền là 64.148.011 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm bốn mươi tám nghìn không trăm mười một đồng*).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lút, bí mật trốn tránh sự phát hiện của người quản lý tài sản để chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo được thực hiện dưới hình thức lẩn tránh ý trực tiếp, mục đích vụ lợi, phạm tội đến cùng khi bị cáo rút tiền đã hiện số dư trong tài khoản, bị cáo in sao kê hóa đơn biết tổng số tiền trong thẻ là 62.148.011 đồng (sáu mươi hai triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn, không trăm mười một đồng), bị cáo chưa bồi thường khắc phục hậu quả. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của người khác về tài sản. Bị cáo có nhân thân xấu ngày 16/11/2011 Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, xử phạt Hoàng Văn T 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội Gây rối trật tự công cộng thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm tại Bản án số 115/2011/ HSST ngày 16/11/2011 (Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ Bản án).

Đối với số tiền 17.136.461 đồng còn trong tài khoản ngân hàng của bà Ph, bị cáo chưa chiếm đoạt được là do nguyên nhân khách quan ngoài ý muốn, máy rút tiền ATM không nhận thẻ do bà Phương phát hiện bị mất trộm đã báo Ngân hàng khóa thẻ. Do đó T phải chịu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản đối với toàn bộ số tiền trong tài khoản là 62.148.011 đồng. Tổng số tiền bị cáo Hoàng Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự là 64.148.011 đồng (*Sáu mươi tư triệu một trăm bốn mươi tám nghìn không trăm mười một đồng*). Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa kiểm sát viên rút nội dung áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm chiếc thẻ ATM và tờ giấy ghi mã PIN do Hoàng Văn T trộm cắp của bà Nguyễn Thị Ph nhưng không thu giữ được. Bà Nguyễn Thị Ph không yêu cầu bồi thường đối với chiếc thẻ ATM và tờ giấy ghi mã PIN nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 47.011.550 đồng. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự cần buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà Ph số tiền 47.011.550 đồng.

[7] Bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.350.578 đồng (*hai triệu, ba trăm năm mươi nghìn, năm trăm bảy mươi tám đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Đối với ông Phùng Quang T cho bị cáo Hoàng Văn T mượn xe làm phương tiện đi lại nhưng không biết bị cáo sử dụng xe vào việc phạm tội nên không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo **Hoàng Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/10/2020.

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 47.011.550 đồng (*Bốn mươi bảy triệu không trăm mười một nghìn, năm trăm năm mươi đồng*)

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án”.

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 2.350.578 đồng (*Hai triệu ba trăm năm mươi nghìn năm trăm bảy mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm

- Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

“Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh Tuyên Quang;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP Tuyên Quang;
- Công an TP Tuyên Quang;
- Chi cục THA.DS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Hồ sơ Thi hành án hình sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Lan

.